

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT HỌC TẬP HỌC HÒA NHẬP Ở TIỂU HỌC

ThS. NGUYỄN THỊ KIM HOA

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Đặc biệt

1. Khái niệm về khuyết tật học tập (KTHT)

Giáo dục hòa nhập đã triển khai ở Việt Nam được 19 năm. Tính đến năm học 2008-2009, cả nước có gần 390.000 trẻ khuyết tật được đi học hòa nhập trong các trường phổ thông (Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 18/03/2010). Chất lượng dạy học hòa nhập không ngừng được nâng cao. Nhiều học sinh khuyết tật không chỉ tham gia học tập cùng các bạn mà còn đạt được thành tích cao trong các kì thi HS giỏi. Tuy nhiên, trong giáo dục tiểu học vẫn còn tồn tại một bộ phận HS (khoảng 5,7% HS xếp loại yếu kém về học lực – Số liệu của Bộ GD&ĐT, năm học 2006 – 2007) không thể đạt chuẩn tối thiểu nhưng không được xếp vào danh sách HS khuyết tật và bị gọi với một tên chung là HS “ngồi nhầm lớp”. Nhà trường “rất bối rối” khi phải giải quyết những vấn đề liên quan đến nhóm HS này. Nhìn từ góc độ khoa học, chúng tôi nhận thấy phần lớn số HS này có biểu hiện KTHT.

Thuật ngữ KTHT (learning disability) xuất phát từ nhu cầu phát hiện và hỗ trợ những HS luôn có kết quả học tập yếu. Trải qua hơn 80 năm nghiên cứu và phát triển, hàng loạt các định nghĩa về KTHT ra đời trên thế giới. Tuy nhiên, định nghĩa được nhiều người chấp nhận hơn cả là của Ủy ban Liên kết quốc gia về KTHT của Hòa Kỳ (NJCLD - National Joint committee on learning disabilities).

Theo khái niệm này, KTHT là thuật ngữ chung chỉ một nhóm người mắc chứng rối loạn biểu hiện ở những vấn đề gặp phải trong quá trình tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ ở các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, suy luận và làm toán. Những rối loạn này là bản chất bên trong của mỗi cá nhân và mắc phải là do những rối loạn trong hệ thần kinh trung ương. Mặc dù KTHT có thể đồng thời xảy ra cùng những khuyết tật khác như khiếm khuyết các giác quan (thính giác, thị giác), khuyết tật trí tuệ, rối loạn cảm xúc, hành vi hay do những ảnh hưởng của môi trường (sự khác biệt văn hoá, chỉ dẫn không hiệu quả và không phù hợp, các nhân tố bắt nguồn từ tâm lí) nhưng những khuyết tật kèm theo này không phải là

nguyên nhân chính gây KTHT (Hammil, Leigh, Mc Nut& Larse, 1981, tr 336). Những trường hợp học kém do môi trường, văn hoá và kinh tế không thuận lợi cũng không được xếp vào nhóm HS này.

Khái niệm của NJCLD thừa nhận KTHT xuất hiện ở mọi lứa tuổi và nhấn mạnh đến những rối loạn bản chất bên trong của mỗi cá nhân mắc phải là do những rối loạn chức năng của hệ thần kinh trung ương. Nguyên nhân gây nên có thể do yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh. Yếu tố nội sinh xuất phát từ bên trong như đột biến gen, di truyền. Yếu tố ngoại sinh do ảnh hưởng từ bên ngoài như trẻ bị ngạt trong khi sinh, tai nạn trong quá trình trẻ lớn lên làm ảnh hưởng đến cấu trúc và chức năng của hệ thần kinh trung ương.

2. Các dạng KTHT

Theo “Sổ tay thống kê và chẩn đoán những rối loạn tâm thần IV” (DSM – IV) của Hiệp hội tâm lí Hoa Kỳ thì KTHT được phân thành 3 nhóm chính: khó đọc (dyslexia), khó viết (dysgraphia) và khó tính toán (dyscalculia). Một HS KTHT có thể mắc một, hai hoặc cả ba dạng khó khăn trên. Mọi HS khó đọc đều hạn chế ít nhiều về khả năng viết và tính toán. Rất ít HS có khó khăn đơn thuần về viết. Một số em gặp khó khăn về tính toán.

2.1. Khó đọc (dyslexia)

Khó đọc là một trong những dạng KTHT phổ biến nhất, đặc biệt ở cấp tiểu học. Theo kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Sức khỏe Quốc gia Hòa Kỳ, HS khó đọc chiếm khoảng 80 – 85% tổng số HS nhận các dịch vụ giáo dục đặc biệt. Khó đọc được đặc trưng bởi những khó khăn trong việc diễn đạt hoặc tiếp nhận ngôn ngữ nói hoặc viết mặc dù trí thông minh và khả năng trí tuệ của HS ở mức trên trung bình. HS mắc chứng khó đọc chỉ được nhận diện khi những khó khăn trong hoạt động đọc, viết của các em không thể giải thích được bằng các nguyên nhân như: khả năng trí tuệ yếu, hoạt động giảng dạy không hiệu quả hoặc khiếm khuyết giác quan như khiếm thính, khiếm thị. Chứng khó đọc ảnh hưởng trước hết đến khả năng đọc, viết và nhiều

lĩnh vực hoạt động khác của HS. Vì thế, một HS khó đọc gặp rất nhiều khó khăn khi tham gia học tiểu học nếu không được phát hiện sớm và nhận được những hỗ trợ phù hợp.

Những biểu hiện của khó đọc:

Ba tiêu chí quan trọng nhất trong đánh giá kĩ năng đọc bao gồm: 1) Tốc độ đọc thành tiếng, 2) Số lỗi đọc sai và 3) Khả năng hiểu văn bản. Thông thường, một trẻ được xác định là khó đọc khi tốc độ đọc thành tiếng thấp hơn chuẩn tối thiểu ít nhất 1 – 2 năm, số lỗi đọc sai nhiều và khả năng hiểu văn bản hạn chế. HS khó đọc có một số biểu hiện như: Không đọc được (mù đọc); Đọc vẹt (bắt chước lại một cách máy móc cách đọc bài của cô và bạn mà không nhìn vào chữ); Đọc được nhưng có những hạn chế như: Tốc độ đọc chậm hơn hẳn so với các bạn cùng lớp; Mắc nhiều lỗi sai khi đọc (không đọc được đúng các từ trong bài đọc; không phân tích được từ thành từng âm và vần; thêm từ, bớt từ, thay từ, đảo từ; bỏ dòng, lặp lại dòng khi đọc; không biết ngắt hơi ở dấu phẩy và nghỉ hơi ở dấu chấm; Hiểu rất ít hoặc không hiểu nội dung bài đọc).

2.2. Khó viết (dysgraphia)

Khó viết là khiếm khuyết trong học tập liên quan đến cách thể hiện những suy nghĩ bằng chữ viết và hình tượng. HS mắc khiếm khuyết này thường bị rối loạn về biểu tượng hình ảnh, vì thế không viết được chữ hoặc chữ viết méo mó không đúng kích cỡ.

Những biểu hiện chính của khó viết: HS nói được nhưng không viết được; Chữ viết xấu, rất khó đọc; Viết được nhưng kém hơn hẳn so với các bạn cùng lớp về: tốc độ, cách trình bày, số lỗi chính tả, lỗi sử dụng các dấu chấm câu và sử dụng không đúng các quy tắc ngữ pháp; Hạn chế trong việc hoàn thành các bài tập làm văn như: Không diễn đạt được những suy nghĩ của mình bằng ngôn ngữ viết; Viết được nhưng sử dụng rất ít từ ngữ, từ ngữ không linh hoạt, không biết vận dụng các biện pháp để hoàn thành bài tập làm văn hiệu quả.

2.3. Khó tính toán (dyscalculia)

Khó tính toán là một loại KTHT liên quan đến việc học hoặc thông hiểu toán học. Thuật ngữ này thường được dùng để chỉ những HS gặp khó khăn về vấn đề ước lượng không gian, thời gian, đo lường và thực hiện các phép tính số học, khó khăn trong việc lĩnh hội khái niệm trừu tượng về so sánh số lượng.

Những dấu hiệu của khó tính toán là: Khó khăn trong việc đếm đọc, viết và so sánh các chữ số; mắc nhiều lỗi khi thực hiện 4 phép tính cơ bản

nhất là với các số có nhiều chữ số; số thập phân và phân số; Khó khăn trong việc nhận biết và chuyển đổi các đơn vị đo (độ dài, khối lượng, thời gian); Khó khăn trong việc phân biệt các yếu tố hình học và áp dụng công thức để tính chu vi, diện tích và thể tích các hình cơ bản; Khó hình dung và tạo mối liên hệ giữa yêu cầu của bài toán với việc giải bài nên rất hạn chế trong việc giải các bài toán có lời văn. Một số trẻ tỏ ra quá nhạy cảm với tiếng ồn, mùi hôi, ánh sáng và không có khả năng tự điều khiển hành vi khi chịu tác động của những tác nhân gây nhiễu đó. Trường hợp nghiêm trọng hơn, HS cảm thấy sợ hãi và bị ám ảnh bởi môn Toán nên từ chối học toán.

Ở cấp Tiểu học, rất khó xác định HS KTHT nếu chỉ thông qua quan sát hình thức bên ngoài. Vì thế, khi HS có kết quả học tập kém và xuất hiện những biểu hiện được liệt kê ở trên, giáo viên cần tiếp tục quan sát và ghi chép chi tiết cách học của HS để đưa ra những biện pháp can thiệp hiệu quả.

3. Biện pháp hỗ trợ HS KTHT học hòa nhập

3.1. Thiết kế và tiến hành bài học hiệu quả

a. Thiết kế bài học hiệu quả

Quá trình thiết kế bài học cho lớp có HS KTHT học hòa nhập cần được chuẩn bị kĩ và thực hiện một cách linh hoạt. Trong đó, GV cần: Trước mỗi tiết học xác định HS KTHT đã có những gì và cần biết thêm những kiến thức và kĩ năng gì? Từ đó viết mục tiêu bài học theo dạng mục tiêu hành động bao gồm mục tiêu chung toàn lớp và mục tiêu riêng dành cho trẻ KTHT. Tùy theo khả năng và nhu cầu của HS KTHT mà GV lựa chọn sử dụng một số kĩ năng đặc thù sao cho HS KTHT có cơ hội tham gia tất cả các hoạt động nhưng không làm ảnh hưởng tiêu cực đến các bạn cùng lớp.

b. Tiến hành bài học hiệu quả

Mở bài

Thời gian dành cho mở bài của một tiết dạy thường rất ngắn (2 – 3 phút) song lại có ý nghĩa rất quan trọng đối với HS trong việc tiếp thu nội dung kiến thức của cả bài học. Mở bài thành công cần đạt được 3 tiêu chí gồm: Gây được hứng thú, lôi cuốn được sự chú ý và kích thích được HS tập trung vào việc học tập; Nhiều HS được tham gia; HS nhận thức được ý nghĩa/mục tiêu của bài học.

Để HS KTHT có thể chủ động tham gia và hứng thú với hoạt động học tập ngay từ phần mở bài, GV cần thực hiện một số thủ thuật như: Dành cho HS những câu hỏi vừa sức (câu hỏi dễ, câu hỏi đầu tiên trong lớp...); Hỗ trợ thêm

cho HS những gợi ý (bằng lời, bằng đồ dùng...), tổ chức trò chơi, câu đố bằng hình ảnh hoặc bằng lời mà nội dung đó thuộc bài học mới.

Tổ chức các hoạt động dạy học

Một tiết dạy hoà nhập có HS KTHT tham gia được coi là hiệu quả khi hội tụ đủ các yếu tố sau: 1) Mọi HS trong lớp tham gia học tập tích cực và hợp tác; 2) GV luôn duy trì được nhịp độ, sự linh hoạt của bài dạy; 3) GV giám sát được sự tập trung chú ý của HS KTHT; 4) GV củng cố tích cực ngay khi HS KTHT thành công và sửa lỗi ngay khi HS KTHT mắc phải. Để có thể thực hiện được những điều trên, GV cần chú ý căn cứ vào nội dung kiến thức bài học để xác định những hoạt động trên lớp phù hợp với khả năng của HS. Sử dụng phương pháp tích cực và điều chỉnh linh hoạt nội dung, hình thức, thời gian tổ chức các hoạt động cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của HS. Kết hợp chặt chẽ giữa sử dụng đồ dùng trực quan và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả như: từ ngữ dùng dễ hiểu, rõ ràng, ngắn gọn, âm lượng vừa phải; vị trí đứng đối diện và gần HS KTHT để các em dễ dàng tri giác cách phát âm của giáo viên; chủ động sử dụng các cử chỉ, điệu bộ, nét mặt và sự chuyển động cơ thể... nhằm tăng tính biểu cảm, thuyết phục của thông tin trong bài học đến với HS.

Dạy kiến thức lí thuyết gắn liền với hình thành kĩ năng. Kiến thức lí thuyết thường khiến HS KTHT khó hiểu, ít tập trung và không hứng thú học tập. Vì vậy, GV cần cấu trúc lại và trình bày vấn đề một cách ngắn gọn, rõ ràng nhưng vẫn chỉ ra đúng những khía cạnh cốt lõi nhất của nội dung bài học; tăng cường sử dụng các ví dụ minh họa trong thực tế. Bên cạnh đó, để HS hiểu sâu kiến thức, GV cần tạo cơ hội cho HS thực hành, hình thành kĩ năng. Nếu có điều kiện nên cho HS thực hành áp dụng những kiến thức ngay tại lớp. Để có thể thiết kế các hoạt động thực hành tại lớp có HS KTHT học hòa nhập hiệu quả GV cần: 1) Yêu cầu rõ nhiệm vụ thực hành và tiêu chí thành công; 2) Chia nhỏ nhiệm vụ thực hành và hướng dẫn HS thực hành từ dễ đến khó; 3) Tránh đưa ra những nhiệm vụ đòi hỏi HS phải ghi nhớ nhiều; 4) Cung cấp bảng tóm tắt các bước thực hiện nhiệm vụ cho HS trong trường hợp cần thiết; 5) Đưa ra bài tập riêng biệt cho đến khi HS đã hoàn toàn phân biệt được sự khác nhau của chúng nhằm tránh sự giao thoa giữa các khái niệm, áp dụng các quy luật và thủ thuật gần giống nhau để tránh giao thoa; 6) Thiết kế bài thực hành tổng hợp giúp HS khắc sâu thêm kiến thức; 7) Đảm bảo những điều kiện để HS

thực hành thành công. 8) Thiết kế hoạt động học theo cặp hay nhóm.

Không chỉ giao nhiệm vụ vừa sức cho HS KTHT mà GV cần khuyến khích HS dùng nhiều cách khác nhau để thể hiện kết quả học tập của mình như: trả lời miệng, viết ra giấy, vẽ tranh... hoặc thể hiện thông qua cử chỉ, điệu bộ... Đồng thời, GV và các bạn trong lớp cần có những hỗ trợ kịp thời trước khi HS KTHT có thể độc lập giải quyết nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp HS không cần bất cứ sự hỗ trợ nào mà vẫn hoàn thành được bài tập, GV có thể yên tâm kết thúc bài học.

Kết thúc bài

Kết thúc là một hình thức ôn tập vào cuối bài dạy, vào thời điểm đó chủ đề được tóm tắt và cấu trúc lại. Nếu mọi HS đều có tâm trạng phấn khởi và nắm vững những gì vừa học thì đó là điều kiện cần để các em tham gia tốt hoạt động học tập tiếp theo. Cũng như mở bài, kết thúc bài học hiệu quả cần đạt được 3 tiêu chí sau: HS tự biểu đạt những phát hiện chính qua bài học; HS tự tóm tắt những thông tin mới lĩnh hội; HS có khả năng vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn. GV không nhất thiết phải gọi HS KTHT phát biểu ý kiến của mình sau tất cả các tiết học nhưng cần giám sát được HS đã đạt được kết quả gì sau tiết học đó.

3.2. Hỗ trợ cá nhân

HS KTHT không theo kịp các bạn cùng lớp trong hai môn Toán và Tiếng Việt với kết quả đánh giá thường dưới chuẩn tối thiểu. Vì vậy, ngoài học hòa nhập theo chương trình Tiểu học cùng với các bạn, các em vẫn cần phải được hỗ trợ riêng để phát triển các kĩ năng đặc thù trong tiết học cá nhân.

"Tiết học cá nhân" được hiểu là sự hướng dẫn cá nhân, trong đó một GV làm việc với một HS, thực hiện theo kế hoạch dành riêng cho một HS KTHT trong trường hòa nhập. Tiết học này được tiến hành tại một góc hoặc phòng học riêng. Tùy theo đặc điểm của từng HS mà GV chủ nhiệm cùng với hiệu trưởng (hoặc cán bộ phụ trách chuyên môn) và phụ huynh sẽ quyết định lựa chọn nội dung (dạy đọc, dạy viết hoặc tính toán); số lượng tiết học/tuần; địa điểm tổ chức phù hợp với điều kiện của trường.

Thực tế dạy học cho thấy, khi HS học kém môn nào thường sẵn tâm lí không thích học môn đó nên thời lượng tiến hành một buổi hỗ trợ cá nhân không nên kéo dài quá 45 phút. Với HS các lớp đầu cấp, cần tiến hành ít thời gian hơn. GV cần lập kế hoạch chi tiết cho từng buổi hỗ

trợ. Sau mỗi buổi hỗ trợ GV cần ghi lại mọi biểu hiện và kết quả đạt được của HS làm cơ sở để điều chỉnh cho buổi tiếp theo.

3.3. Tăng cường sự tự tin và hứng thú học tập của HS

Hầu hết HS KTHT có chỉ số trí tuệ (IQ) bình thường (trên 70). HS không lười biếng hay gặp phải điều kiện giáo dục không thuận lợi. Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Sức khỏe Quốc gia Hoa Kỳ cho thấy: thất bại liên tiếp trong học tập khiến 70% HS KTHT tự đánh giá mình thấp trong nhận thức và học tập. Xác định không đúng khả năng của bản thân khiến HS có tâm lí bị quan, mất niềm tin vào chính mình. Vì vậy, GV và cha mẹ cần phối hợp chặt chẽ với nhau để giúp HSKTHT vượt qua những khó khăn về học tập và nâng cao sự tự tin. Để thực hiện điều này GV cần: 1) Đánh giá đúng khả năng của HS; 2) Xây dựng mục tiêu thực tế dựa trên khả năng, nhu cầu của HS KTHT và yêu cầu của chương trình học; 3) Trang bị cho HS những kĩ năng giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định cho bản thân; 4) Dựa trên điểm mạnh để khắc phục hạn chế; 5) Giao nhiệm vụ vừa sức để HS KTHT thành công trong học tập và tạo điều kiện để HS có cơ hội giúp đỡ các bạn khác.

KTHT là một khái niệm còn mới ở Việt Nam, vì thế nhiều GV chưa biết cách phát hiện và tổ chức dạy học hòa nhập hiệu quả cho đối tượng HS này. Thực chất, KTHT chỉ ảnh hưởng đến một vài khía cạnh trong vốn khả năng của HS nên mọi HS KTHT đều có thể học tập được. Nếu được phát hiện sớm và sử dụng các biện pháp hỗ trợ thì HS KTHT tập không chỉ học tốt ở cấp tiểu học mà các em sẽ tiếp tục học hòa nhập ở những cấp học cao hơn và thành công trong cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18/03/2010 về công tác giáo dục trẻ khuyết tật.
2. Cecil D. Mercer (1997) – *fifth edition. Students with learning disabilities.*
3. DSM – IV: *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders 4th edition.* American Psychiatric Association Washington DC, 1997.

SUMMARY

The article presents the concept of learning disability; forms of learning disability and some measures supporting disabled children in inclusive learning in primary schools.

PHÁT HUY NĂNG LỰC SÁNG TẠO CHO HỌC SINH. . .

(Tiếp theo trang 21)

Andehit no đơn chức có công thức phân tử $C_nH_{2n}O$, do đó khối lượng nguyên tố H = 0,08 x 2 = 0,16 (gam); Khối lượng nguyên tố O = 1,6 - 0,96 = 0,16 = 0,48 (gam);

Số mol O = số mol hỗn hợp andehit ban đầu = 0,3 (mol);

Số nguyên tử C trung bình = 8/3. Công thức của hai andehit là: CH_3CHO , C_2H_5CHO .

3. Kết luận

Việc phát huy năng lực sáng tạo cho HS thông qua giải bài tập hóa học hữu cơ không chỉ đáp ứng mục tiêu dạy học hóa học ở nhà trường THPT mà còn giúp HS có các thao tác tư duy phức tạp, phân tích được nội dung cơ bản của những khái niệm trừu tượng, hiểu được mối quan hệ nhân quả trong tự nhiên và xã hội, tìm ra mâu thuẫn trong các vấn đề đang tồn tại, mong muốn khám phá những điều mới mẻ. Đó cũng là yêu cầu phát triển nhân cách con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ*

thông cấp THPT, NXB Giáo dục, 2006.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hỏi đáp về phân ban Trung học phổ thông*, NXB Giáo dục, 2006.
3. Nguyễn Cương, *Phương pháp dạy học Hóa học ở trường phổ thông và Đại học - Một số vấn đề cơ bản*, NXB Giáo dục, 2007.
4. J. B. Baron, R. J. Sternberg (2000), *Dạy kĩ năng tư duy. Lí luận và thực tiễn*, Dự án Việt-Bỉ, 2000.
5. Robert Ficher. *Dạy trẻ học*. ISBN. Dự án Việt - Bỉ đào tạo giáo viên các trường sư phạm 7 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, 1995.
6. Xavier Roegiers, *Khoa sư phạm tích hợp hay Làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, NXB Giáo dục, 1996.

SUMMARY

The development of upper secondary students creativity through solving organic chemistry exercises not only meets the objectives of chemistry subject but also helps students to acquire complex thinking operations, to analyze basic abstract concepts, to understand the causal relations in the nature and society, to find conflicts in current issues, and discover new things.